

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 16-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Quang N, sinh ngày 30 tháng 3 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang Đ2 và bà Đỗ Thị H2; bị cáo có vợ, đã ly hôn và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 05/QĐ-TA ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K (chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính); nhân thân: Bị cáo bị xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản" tại Bản án số 66/2011/HS - ST ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng (đã xóa án tích); bị cáo bị truy nã theo Quyết định truy nã bị can số 01 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K, thành phố Hải Phòng và bị Công an huyện K tạm giữ từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 đến ngày

13 tháng 01 năm 2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Lưu Đình Đ, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T2, xã An Thái, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đình Đ1 và bà Đào Thị T2. Bị cáo có vợ là Nguyễn Hải Y2, đã ly hôn và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định số 148 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng (chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính); nhân thân: Bị cáo bị xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 28/2009/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng (đã xóa án tích); ngày 16 tháng 9 năm 2020, Lưu Đình Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A, thành phố Hải Phòng khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị truy nã theo Quyết định truy nã bị can số 13 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Công an Huyện A, thành phố Hải Phòng và bị Công an huyện A tạm giữ từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 đến ngày 21 tháng 12 năm 2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Bùi Đình T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn L 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Sĩ T1, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 18 tháng 11 năm 2020, Bùi Quang N gọi điện thoại rủ Lưu Đình Đ đi chơi, Đ đồng ý nên đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 16P6-7305 của Đ đến đón N. Khi gặp nhau, N sử dụng xe mô tô của Đ chở Đ đi. Trên đường đi, cả hai đi đến khu vực quán bán hàng ăn của gia đình anh Bùi Đình T, sinh năm 1984, trú tại thôn L 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng thì N nhìn thấy có 02 cây mẫu đơn hoa đỏ trồng trong chậu để trong sân nhà anh T nên nói với Đ, Đ và N cùng thống nhất việc trộm cắp tài sản. Do lúc này vẫn còn sớm, sợ bị phát hiện nên cả hai tiếp tục đi trên đường và đi ăn đêm. Đến khoảng 02 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2020, N chở Đ quay lại nhà anh T, N dừng xe rồi đứng ngoài đường còn Đ trèo qua tường rào vào trong sân và lần lượt nhổ 02 cây mẫu đơn ra khỏi chậu, rồi chuyển cây qua tường rào cho N ở

bên ngoài dỡ xuống đất. Sau đó, N chở Đ ngồi sau ôm 02 cây về nhà N cất giấu. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, N dùng điện thoại của N gọi cho anh Nguyễn Sĩ T1, sinh năm 1985, trú tại thôn 3, xã K1, huyện K và thỏa thuận bán 02 cây mẫu đơn cho anh T1 với giá 10.000.000 đồng rồi thuê xe tải của một người không quen biết chở 02 cây đến nhà anh T1. Anh T1 đưa trả Đ 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, Đ nhận xong lại trả lại anh T1 và nói để trừ vào số tiền nhiều lần trước đây vay của anh T1 để chi tiêu cá nhân và anh T1 chuyển khoản qua dịch vụ chuyển và nhận tiền cho N nhận 5.000.000 đồng, N chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua cây, anh T1 để nhờ 01 cây tại nhà bà Đào Thị Đ1, sinh năm 1969 và 01 cây để nhờ tại nhà ông Nguyễn Sỹ H1, sinh năm 1958 cùng cư trú tại thôn 3, xã K1, huyện K là những người họ hàng với anh T1.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, anh Bùi Đình T có đơn trình báo với Công an xã T, huyện K và Công an huyện K, thành phố Hải Phòng về việc bị mất trộm 02 cây mẫu đơn hoa màu đỏ.

Qua xác minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020, Công an huyện K đã thu 02 cây hoa mẫu đơn tại nhà bà Đào Thị Đ1 và nhà ông Nguyễn Sỹ H1 cư trú tại thôn 3, xã K1, huyện K.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận tội như nội dung vụ án đã nêu và còn khai nhận:

- Bị cáo N khai: Khi N nhìn thấy 02 cây hoa mẫu đơn thì nói cho Đ biết, cả hai cùng rủ nhau trộm cắp, Đ trèo qua tường rào vào trong sân trộm cắp 02 cây rồi chuyển qua tường rào cho N nhận. Sau đó N chở Đ mang cây về nhà N cất giấu. Xe mô tô N sử dụng để chở Đ đi trước và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp là xe do Đ đi đến khi gặp N, N không rõ về nguồn gốc xe. N là người gọi xe tải của một người không quen biết để chở cây và gọi điện thoại để thỏa thuận việc bán 02 cây hoa mẫu đơn cho anh T1 với giá 10.000.000 đồng. Anh T1 có chuyển khoản trả N 5.000.000 đồng, N đã chi tiêu cá nhân hết. 01 kéo cắt cây do Đ sử dụng khi trộm cắp 02 cây hoa mẫu đơn là kéo của N cho Đ mượn từ trước, sau khi trộm cắp Đ đánh rơi ở đâu không rõ. Cơ quan Công an đã thu H1 trả lại đầy đủ tài sản cho bị hại là anh T, anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Anh T1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng mua cây anh đã trả cho bị cáo. Anh T1, bà Đ1, ông H1 và người lái xe tải chở cây để hai bị cáo mang đi bán đều không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có. Công an thu giữ 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ của N sử dụng trong việc bán và giao nhận tiền mua 02 cây hoa mẫu đơn giữa N với anh T1.

- Bị cáo Đ khai nhận thống nhất với lời khai của N về các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và còn khai: Đ là người trực tiếp trèo qua tường rào vào trong sân nhà anh T để nhờ trộm 02 cây chuyển qua tường rào

cho N rồi N chở Đ cùng 02 cây mang về nhà N cất giấu. Xe mô tô các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 16P6-7305 Công an đã thu giữ là xe của bị cáo mua vào khoảng đầu tháng 10 năm 2020 với số tiền 4.000.000 đồng của một người đàn ông không quen biết tại khu vực cầu Nguyệt, xã Mỹ Đức, huyện A, thành phố Hải Phòng, do xe mất giấy tờ nên hai bên không viết giấy mua bán. 01 kéo cắt cây Đ sử dụng để cắt dây buộc từ cây vào chậu là kéo Đ mượn của N từ trước, hôm đó Đ mang theo để trả N nhưng đã bị rơi ở đâu, khi nào không biết. Khi N bán cây cho anh T1, anh T1 có 02 lần, mỗi lần trả 2.000.000 đồng cho Đ nhận xong, Đ trả lại cho anh T1 và nói để trả nợ vào số tiền nhiều lần trước đây Đ vay của anh T1 để chi tiêu cá nhân. Anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, anh T1 cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền nào khác.

Tại Cơ quan điều tra, bị hại là anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T1 đều khai: Đúng như lời khai của các bị cáo về thời gian, địa điểm bị mất trộm, số lượng, đặc điểm các tài sản bị mất trộm, việc mua bán và trả tiền 02 cây hoa mẫu đơn, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt được mang đi tiêu thụ, Cơ quan điều tra đã thu H1 trả lại đầy đủ cho bị hại là anh T, nay anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác. Anh T1 cũng không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền anh đã trả các bị cáo.

Tại cơ quan điều tra, bà Đào Thị Đ1 và ông Nguyễn Sĩ H1 là những người anh T1 gửi nhờ 02 cây hoa mẫu đơn đều khai: Do có mối quan hệ là họ hàng với anh T1 nên khi anh T1 gửi cây, bà Đ1 và ông H1 đều đồng ý. Khi Công an đến làm việc và thu H1 tài sản, ông bà mới biết những cây đó là do N và Đ phạm tội mà có, mang bán cho anh T1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: 01 cây hoa mẫu đơn đỏ, đặc điểm cây có chiều cao 200 cm, đường kính tán cây rộng 120 cm, một gốc 02 thân đường kính mỗi gốc 08 cm, có giá trị 8.000.000 đồng. 01 cây hoa mẫu đơn đỏ, đặc điểm cây có chiều cao 180 cm, đường kính tán cây rộng 110 cm, một gốc 02 thân đường kính mỗi gốc 05 cm, có giá trị 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản có giá trị là 11.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ của Bùi Quang N sử dụng để liên lạc trong việc mua bán và giao nhận tiền mua 02 cây hoa mẫu đơn giữa bị cáo với anh T1.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng, tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp gồm: Trả lại 02 cây mẫu đơn có hoa màu đỏ cho anh Bùi Đình T, anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác và trả lại 01

điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 11 Pro Max màu đen cho anh Nguyễn Sĩ T1, anh T1 không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền mua cây anh đã trả cho các bị cáo.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 16P6-7305 thu của Lưu Đình Đ, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc phương tiện nên tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSKT ngày 05 tháng 02 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Bùi Quang N và Lưu Đình Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và khai: N là người rủ Đ đi chơi vào khoảng 22 giờ ngày 18 tháng 11 năm 2020, N chở Đ đi chơi bằng xe mô tô của Đ. Đến khoảng 02 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2020, khi cả hai đi ngang qua quán bán hàng ăn của anh Bùi Đình T, trú tại thôn L 1, xã T, huyện K thì N nhìn thấy 02 cây mẫu đơn hoa đỏ trồng trong chậu để ở phía trước cửa quán, phía trong sân nhà anh T nên nói cho Đ biết. Cả hai cùng rủ nhau trộm cắp tài sản, Đ là người trực tiếp trèo qua tường rào vào lấy trộm 02 cây rồi chuyển qua hàng rào cho N nhận. Sau đó, N chở Đ ngồi sau xe mang cây về nhà N cất giấu. Đến khoảng 08 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2020, N gọi điện thoại thỏa thuận việc bán cây và gọi xe tải chở cây đến bán cho anh Nguyễn Sĩ T1 với giá 10.000.000 đồng. Anh T1 chuyển khoản qua dịch vụ cho N nhận số tiền 5.000.000 đồng, N đã chi tiêu cá nhân hết. Số tài sản các bị cáo trộm cắp được mang đi tiêu thụ, Cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh T. Anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, anh T1 cũng không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng anh đã trả cho bị cáo để mua cây. Trước khi bị bắt bị cáo làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu, thống nhất với lời khai của N và còn khai: Do quen biết từ trước với N nên khi N rủ đi chơi, Đ đồng ý. Khi N nhìn thấy 02 cây hoa mẫu đơn đỏ nói với Đ, cả hai cùng rủ nhau trộm cắp tài sản. Đ là người trực tiếp trèo qua tường rào vào sân nhà anh T để nhổ lần lượt 02 cây ra khỏi chậu rồi chuyển qua tường rào cho N ở ngoài nhận. Sau đó, N chở Đ bằng xe của Đ mang 02 cây về nhà N cất giấu. N tự liên hệ và thỏa thuận việc chở cây đến bán cho anh Nguyễn Sĩ T1 tại nhà anh T1 ở thôn 3, xã K1, huyện K, Đ chỉ đi cùng. Số tiền mua cây, anh T1 02 lần trả cho Đ, mỗi lần 2.000.000 đồng, Đ đã nhận nhưng đều trả lại cho anh T1 vì trước đây nhiều lần Đ đã vay anh T1 để chi tiêu cá nhân. Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 16P6-7305, các bị cáo sử dụng khi trộm cắp tài sản là xe bị cáo mua từ khoảng tháng 10 năm 2020 với giá 4.000.000 đồng của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực cầu Nguyệt,

xã M, huyện A, Hải Phòng. Xe không có giấy tờ nên hai bên cũng không viết giấy mua bán. Anh T không yêu bị cáo bồi thường gì khác, anh T1 cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền nào nữa. Trước khi bị bắt bị cáo làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo; Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng; đề xuất về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Bùi Quang N mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Lưu Đình Đ mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Các bị cáo làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ của bị cáo Bùi Quang N dùng vào việc phạm tội.

Theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng, tài sản gồm: Trả lại 02 cây mẫu đơn hoa màu đỏ cho anh Bùi Đình T và trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 11 Pro Max màu đen cho anh Nguyễn Sĩ T1 là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Số tài sản các bị cáo chiếm đoạt mang đi tiêu thụ, đã thu H1 trả lại đầy đủ cho bị hại là anh T nên không xem xét.

Bà Đào Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ H1, anh Nguyễn Sĩ T1, người lái xe tải (Cơ quan điều tra chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) do bị cáo N thuê chở cây đi bán cho anh T1 đều không biết việc anh T1 gửi nhờ 02 cây hoa mẫu đơn tại nhà ông bà là tài sản do các bị cáo N và Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 16P6 - 7305 thu của Lưu Đình Đ, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc phương tiện nên tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, tại biên bản bắt người đang bị truy nã thể hiện Bùi Quang N bị bắt ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo quyết định truy nã số 01 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K, thành phố Hải Phòng và tại biên bản bắt người đang bị truy nã thể hiện Lưu Đình Đ bị bắt theo quyết định truy nã bị can số 13 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A, thành phố Hải Phòng. Nhưng tại 02 Danh bản do Công an huyện K lập đối với N và Đ đều ghi: Bắt ngày 03 tháng 12 năm 2020 là không đúng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện về cơ bản đều hợp pháp.

- Về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 02 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2020, Bùi Quang N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 16P6-7305 của Lưu Đình Đ để chở Đ đi cùng thực hiện hành vi trộm cắp của anh Bùi Đình T 02 cây hoa mẫu đơn màu đỏ, tài sản có tổng trị giá 11.000.000 đồng theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản. Như vậy, hành vi của các bị cáo N, Đ đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện Kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít N trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự an

toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt N đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N và Đ tuy không có sự bàn bạc, nhưng đều thống nhất ý chí trong việc cùng rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, được xác định là vụ án có đồng phạm. Bị cáo N là người rủ Đ đi cùng, trực tiếp điều khiển phương tiện trước và sau khi trộm cắp được tài sản, tài sản trộm cắp được mang về cất giấu tại nhà N và N là người trực tiếp liên hệ việc thuê xe tải và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có; bị cáo Đ chỉ là người tiếp nhận ý chí của N và trực tiếp thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản". Xác định, bị cáo N giữ vai trò chính trong vụ án nên bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Đ.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cả hai bị cáo đều đã bị xét xử 01 lần, tuy đã được xóa án tích và lần phạm tội này đều có 01 tiền sự nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt cả hai bị cáo với mức hình phạt N.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo N có ông ngoại là liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, được cấp bằng tổ quốc ghi công nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích về nhân thân, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò đồng phạm của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt mang đi tiêu thụ, Cơ quan điều tra đã thu H1 trả lại đầy đủ cho bị hại là anh T. Nay anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T1 cũng không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền mua cây anh đã trả cho các bị cáo. Nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, không có nguồn thu nào khác. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ của bị cáo Bùi Quang N dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng, tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp gồm: Trả lại 02 cây mẫu đơn hoa màu đỏ cho anh Bùi Đình T và trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 11 Pro Max màu đen cho anh Nguyễn Sĩ T1 là có cơ sở, được chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, bà Đào Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ H1, anh Nguyễn Sĩ T1, người lái xe tải do bị cáo N thuê chở cây đi bán cho anh T1 (Cơ quan điều tra chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đều không biết 02 cây hoa mẫu đơn anh T1 mua của các bị cáo xong gửi nhờ tại nhà ông bà là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 16P6 - 7305 thu giữ của bị cáo Đ, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc phương tiện nên tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bùi Quang N 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12 tháng 01 năm 2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lưu Đình Đ 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18 tháng 12 năm 2020 theo Lệnh tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A, thành phố Hải Phòng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh T1 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS huyện + Sở TP;
- Các bị cáo, bị hại, người có QL, NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

